

NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 98/2019/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 760/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 54/BC-VHXXH ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người đại diện hộ gia đình hoặc cá nhân đứng tên ký hợp đồng sử dụng dịch vụ hỏa táng cho người chết có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh.

2. Người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức; người đại diện hộ gia đình hoặc cá nhân đứng tên ký hợp đồng sử dụng dịch vụ hỏa táng cho người chết được quản lý, chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cơ sở chăm sóc người có công trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ủy quyền trực tiếp ký hợp đồng sử dụng dịch vụ hỏa táng cho người chết trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, không xác định được tên, tuổi, quê quán, nghề nghiệp, nơi cư trú hoặc không có thân nhân tổ chức táng cho người chết.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Chi phí hỏa táng, chi phí vận chuyển đối với thi hài từ đủ 10 tuổi trở lên: 6.000.000 đồng/trường hợp.
2. Chi phí hỏa táng, chi phí vận chuyển đối với thi hài dưới 10 tuổi: 4.500.000 đồng/trường hợp.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 6 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2028.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá XIII, Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung